

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ THUÊ NHÀ, ĐẤT
LÀ TÀI SẢN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
Khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định như sau: "Điều 8. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản và thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của địa phương." Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định như sau: "Điều 6. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công 5. Căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP), các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản theo quy	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định về danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, hình thức hỗ trợ, mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản để hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân và khoản 5 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.	Phạm vi điều chỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và khoản 5 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này."		
Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định như sau: "Điều 8. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công 1. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương." Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định như sau: "Điều 6. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công 2. Đối tượng được hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo quy định tại Điều này là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được công nhận theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn."	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương (sau đây gọi là tổ chức quản lý, kinh doanh nhà) theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP. 2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. 3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quản lý, khai thác.	Đối tượng áp dụng bao gồm: - Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là các tổ chức được giao nhà, đất để cho thuê theo Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP. - Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo là các đối tượng được hỗ trợ theo khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP. - Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cho thuê nhà, đất là tài sản công.

Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định như sau: "Điều 6. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công <i>1. Nhà nước hỗ trợ cho thuê nhà, đất là tài sản công quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 được thực hiện thông qua việc thuê nhà, đất của tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương theo Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng kinh doanh nhà địa phương quản lý (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công)."</i> Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP: "Điều 1. Phạm vi điều chỉnh <i>1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở (sau đây gọi là nhà, đất) giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này quản lý, khai thác với mục đích:</i> <i>a) Cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất)."</i>	Điều 3. Danh mục tài sản công cho thuê Nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quản lý, khai thác theo quy định của Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.	Tài sản công cho thuê theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định như sau: "Điều 8. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công <i>1. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương."</i> Khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định như sau: "Điều 3. Giải thích từ ngữ <i>1. Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là doanh nghiệp hoạt động trong các ngành công nghiệp sản xuất, gia công nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.</i> <i>2. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa được xác định theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn.</i> Điều 6. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công <i>2. Đối tượng được hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.</i> <i>Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo quy định tại Điều này là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được công nhận theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn."</i>	Điều 4. Tiêu chí để xác định đối tượng được hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công 1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng tiêu chí theo quy định tại Điều 4 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Chương II Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. 2. Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đáp ứng tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển tại Phụ lục I hoặc Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP. 3. Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo đáp ứng tiêu chí là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định khoản 18 Điều 3 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.	Tiêu chí để xác định đối tượng được hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công được căn cứ theo quy định về đối tượng hỗ trợ tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15, khoản 1, khoản 2 Điều 3, Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và các quy định hiện hành có liên quan về việc xác định Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định như sau: <i>"3. Các hình thức hỗ trợ:</i> <i>a) Được cho thuê nhà theo phương thức niêm yết giá theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP);</i> <i>b) Được giảm tiền thuê nhà theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP);</i> <i>c) Được giảm tiền thuê nhà theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP."</i> Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP) quy định như sau: <i>"2. Căn cứ thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà cho các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định này."</i>	Điều 5. Hình thức hỗ trợ, mức hỗ trợ 1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 4 Quyết định này được miễn 01 (một) năm đầu tiên thuê nhà kể từ ngày hợp đồng thuê có hiệu lực khi thuê nhà, đất là tài sản công quy định tại Điều 3 Quyết định này. 2. Việc miễn tiền thuê nhà theo quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng theo nguyên tắc mỗi đối tượng thuê nhà chỉ được hưởng hỗ trợ một lần trên địa bàn thành phố Đồng Nai.	Quy định về hình thức hỗ trợ và mức hỗ trợ là miễn 01 (một) năm đầu tiên thuê nhà kể từ ngày hợp đồng thuê có hiệu lực đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo đáp ứng các tiêu chí quy định.
Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP quy định như sau: <i>"Điều 8. Xác định người được quyền thuê nhà theo phương thức niêm yết giá</i> <i>1. Việc cho thuê nhà theo phương thức niêm yết giá áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa</i>	Điều 6. Trình tự, thủ tục cho thuê 1. Trình tự, thủ tục cho thuê thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dồi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính. 2. Trình tự, thủ tục miễn tiền thuê nhà thực hiện theo	- Quy định trình tự, thủ tục cho thuê đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP có hiệu lực thi hành kể từ 24/6/2026. - Quy định trình tự, thủ tục miễn tiền thuê nhà đảm bảo phù hợp với thẩm quyền, trình tự, thủ tục miễn, giảm được quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số

Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
<i>đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP), Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân."</i> Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP) quy định như sau: <i>"2. Căn cứ thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà cho các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định này. Trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê nhà thực hiện như sau:</i> <i>a) Người được quyền thuê nhà thuộc đối tượng ưu tiên có đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê nhà kèm theo bản sao các hồ sơ, tài liệu chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên, gửi tổ chức quản lý, kinh doanh nhà. Đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê nhà theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</i> <i>b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, tổ chức quản lý, kinh doanh nhà căn cứ chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê nhà của tổ chức, cá nhân thuê nhà và hồ sơ, tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định miễn, giảm tiền thuê nhà cho tổ chức, cá nhân thuê nhà."</i>	quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.	108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
	Điều 7. Tổ chức thực hiện 1. Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà căn cứ Quyết định này để xem xét, quyết định miễn tiền thuê nhà cho tổ chức, cá nhân thuê nhà theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP. 2. Tổ chức, cá nhân thuê nhà là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 4 Quyết định này có trách nhiệm nộp bản sao các hồ sơ, tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà khi làm thủ tục miễn tiền thuê nhà. Tổ chức, cá nhân thuê nhà chịu trách nhiệm về tính xác thực của các hồ sơ, tài liệu chứng minh do mình cung cấp cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà. 3. Trường hợp cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cơ quan quản lý nhà nước khác kết luận hoặc tổ chức quản lý, kinh doanh nhà có căn cứ xác định tổ chức, cá nhân thuê nhà đã được miễn tiền thuê nhà theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này nhưng tại thời điểm được miễn tiền thuê nhà không đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 4 Quyết định này hoặc đã được hưởng hỗ trợ miễn tiền thuê nhà tại các cơ sở nhà, đất khác trên địa bàn thành phố Đồng Nai thì tổ chức, cá nhân thuê nhà có trách nhiệm nộp trả ngân sách nhà nước số tiền thuê nhà đã được miễn cộng (+) với khoản tiền tương đương với tiền chậm nộp đối với các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế	- Giao trách nhiệm tổ chức thực hiện theo trình tự thủ tục tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP. - Quy định trách nhiệm về nộp trả ngân sách nhà nước số tiền thuê nhà đã được miễn cộng (+) với khoản tiền tương đương với tiền chậm nộp đối với các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước trong trường hợp tổ chức, cá nhân thuê nhà đã được miễn tiền thuê nhà theo quy định nhưng tại thời điểm được miễn tiền thuê nhà không đáp ứng các tiêu chí quy định hoặc đã được hưởng hỗ trợ miễn tiền thuê nhà tại các cơ sở nhà, đất khác trên địa bàn thành phố Đồng Nai nhằm đảm bảo chặt chẽ trong quá trình thực hiện, góp phần đảm bảo tuân thủ quy định về hỗ trợ thuê nhà, đất. - Giao các đơn vị thực hiện quy định rà soát, đánh giá để kịp thời đề xuất điều chỉnh (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
	quản lý thu theo quy định của pháp luật về quản lý thuế từng thời kỳ. 4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần thiết, tổ chức quản lý, kinh doanh nhà chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đề rà soát, đánh giá mức hỗ trợ được quy định tại Quyết định này, đề xuất điều chỉnh (nếu có); gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi hoặc thay thế cho phù hợp với thực tế tại địa phương.	
	Điều 8. Điều khoản thi hành 1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày..... tháng... năm 2026. 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	